

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 88/2024/DSST

Ngày: 16/8/2024

“V/v : Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và ông Nguyễn Bá Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Bích C**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **H T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

- Bị đơn: Ông **Trần Quốc H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **I N, tổ G, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích C** trình bày:

Tôi và ông **Trần Quốc H** có quen biết nhau trong công việc buôn bán kinh doanh và ông **H** nhiều lần vay tiền của tôi để kinh doanh. Cụ thể như sau:

Ngày 03/11/2023, ông **H** vay của tôi số tiền 165.000.000 đồng; Ngày 09/11/2023, ông **H** vay của tôi số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 20/11/2023, ông **H** vay của tôi số tiền 15.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông **H** vay của tôi đến hạn phải trả là 195.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông **H** không thực hiện trả nợ đúng hạn như đã cam kết.

Tại đơn khởi kiện tôi có yêu cầu ông **H** phải trả lãi suất, nay tôi xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất chỉ yêu cầu ông **H** phải trả số tiền gốc, đề nghị buộc ông **Trần Quốc H** phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 195.000.000 đồng dứt điểm một lần vào ngày 30 tháng 8 năm 2024, tôi không đồng ý kéo dài thời gian như ông **H** trình bày trả dần 2.000.000đồng/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Tôi đề nghị Tòa án buộc ông **Trần Quốc H** phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 195.000.000đ (Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

*** Bị đơn ông Trần Quốc H trình bày:**

Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích C**, tôi thừa nhận hiện tôi đang còn nợ của bà **Vũ Thị Bích C** số tiền nợ gốc là 195.000.000 đồng.

Tuy nhiên khoản tiền này đã đến hạn trả nợ nhưng hiện tại tôi đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị bà **C** cho tôi trả dần toàn bộ số tiền 195.000.000 đồng theo hàng tháng. Phương án trả nợ cụ thể là mỗi tháng tôi trả 2.000.000 đồng cho đến khi tôi trả xong nợ gốc, còn bà **C** yêu cầu tôi phải trả toàn bộ số tiền 195.000.000 đồng một lần thì tôi không có khả năng để trả. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông **Trần Quốc H** có nơi cư trú tại **thành phố P**, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 03 giấy mượn tiền (bản gốc) của từng thời điểm khác nhau, cả ba giấy mượn tiền đều ghi lãi suất thoả thuận.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc: 195.000.000 đồng và rút phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả; bị đơn ông **Trần Quốc H** thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền này nhưng đến hạn trả nợ ông **H** không có khả năng để trả, ông **H** đồng ý về phần lãi suất do bà **C** tự nguyện rút không yêu cầu. Như vậy, xét về giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Trần Quốc H** phải trả cho nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích C** số tiền gốc là 195.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu rút phần khởi kiện về lãi suất chậm trả đối với số tiền 24.360.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Trần Quốc H** phải chịu là: 9.750.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 280, 282, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích C**.

[2]. Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện đối với số tiền 24.360.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) lãi suất chậm trả do nguyên đơn tự nguyện rút.

[3]. Buộc bị đơn ông **Trần Quốc H** phải trả cho nguyên đơn bà **Vũ Thị Bích C** số tiền: 195.000.000đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí:

Buộc bị đơn ông **Trần Quốc H** phải nộp: 9.750.000đồng (*Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 5.484.000đ (*Bằng chữ: Năm triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001921 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[5] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

[6]. Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- **VKSND TP . Pleiku;**
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

Nguyễn Thị Ngà